CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

S1 - MEKONG

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 1 MÊ KÔNG

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 7)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .4

Điều 1. Định nghĩa và giải thích 4
Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện 5
Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty 5
Điều 4. Chủ sở hữu và Người đại diện theo pháp luật của Công ty 7
Điều 5. Tư cách pháp lý của Công ty 8
Điều 6. Phạm vi trách nhiệm của Công ty 8
Điều 7. Thời hạn hoạt động, chấm dứt Công ty 8

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN .8

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần 8
Điều 9. Tăng, giảm vốn điều lệ 8
Điều 10. Cổ phiếu 9
Điều 11. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập 9
Điều 12. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 10
Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 12
Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 12
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 13
Điều 16. Thu hồi cổ phần 13
Điều 17. Phát hành trái phiếu 13
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông 14

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG 14

Điều 19. Quyền của cổ đông phổ thông 14
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông 16

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY 16

Điều 21. Cơ cấu tổ chức của Công ty 16
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 23. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 24. Chuẩn bị họp đại hội đồng cổ đông 18
Điều 25. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông 20
Điều 26. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông 20
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông 21
Điều 28. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến CĐ bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ 23
Điều 30. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông 24
Điều 31. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 32. Hội đồng quản trị 25
Điều 33. Cuộc họp hội đồng quản trị 27
Điều 34. Chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 35. Tổng giám đốc 29
Điều 36. Ban kiểm soát 30
Điều 37. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát 32
Điều 38. Nghĩa vụ của người quản lý công ty 33

CHƯƠNG V: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CHO NGƯỜI QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY 33

Điều 39. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 33
Điều 40. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát 34
Điều 41. Công khai lợi ích liên quan 34
Điều 42. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 35

CHƯƠNG VI: TÀI CHÍNH VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 35

Điều 43. Trả cổ tức 35
Điều 44. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức 36
Điều 45. Tài khoản ngân hàng 36
Điều 46. Thành lập quỹ 37
Điều 47. Năm tài chính 37
Điều 48. Hệ thống kế toán 37
Điều 49. Báo cáo hằng năm 37
Điều 50. Lao động 38

CHƯƠNG VII: MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY 38

Điều 51. Công ty mẹ, công ty con 38
Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Công ty mẹ đối với Công ty và Công ty đối với công ty con 38

CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 40

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ 40

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 40

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung điều lệ 40
Điều 55. Hiệu lực của điều lệ 41

PHẦN MỞ ĐẦU

Trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15.

Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông được thông qua theo:

- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 75/BBKP-ĐHCĐ ngày 01 tháng 8 năm 2026;
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông số 76/NQ-ĐHCĐ-MK ngày 01 tháng 8 năm 2026;
- Quyết định số 81/QĐ-ĐHĐCĐ-MK ký ngày 03 tháng 8 năm 2026 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các Nghị quyết, Quyết định sửa đổi bổ sung có liên quan của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và giải thích

1.1. Định nghĩa:

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **"Công ty"** là **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông**

b. **"Cổ đông"** là cá nhân hay tổ chức sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.

"Điều lệ" là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần thứ 7 ngày 03/8/2026 và các lần sửa đổi bổ sung có liên quan.

c. **"Đại diện"** là người đại diện Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông của Công ty.

d. **"Lấy ý kiến bằng văn bản"** là một hình thức tập hợp ý kiến từ các Cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về một vấn đề cần biểu quyết, trong đó, việc biểu quyết bằng phiếu biểu quyết được thay thế tương đương bằng lấy ý kiến qua thư, fax, internet hoặc phương thức truyền thông, thông tin khác.

e. **"Vốn điều lệ"** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.

g. **"Vốn cổ phần"** là số vốn do các cổ đông thực góp và được ghi trên báo cáo tài chính của Công ty.

h. **"Cổ phần"** Vốn điều lệ được chia thành những phần bằng nhau gọi là "Cổ phần".

i. **"Cổ phiếu"** là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu được Công ty phát hành theo hình thức và mẫu do Nhà nước quy định.

k. **"Cổ đông sáng lập"** là Cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.

l. **"Chủ tịch Hội đồng quản trị"** hay **"Chủ tịch"** là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.

m. **"Tổng Giám đốc"** là Tổng giám đốc của Công ty quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.

n. **"Luật Doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

1.2. Giải thích:

a. Trong Điều lệ này, tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

b. Các tiêu đề (chương, điều, khoản, mục của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện

2.1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 1 MÊ KÔNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

Mekong No.1 Construction Investment Joint Stock Company

2.2. Logo của Công ty:

S1 - MEKONG

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84.28) 3740 2727; (84.28) 3740 2828
- Fax: (84.28) 3740 2929
- E-mail: info@s1mekong.one
- Website: s1mekong.one

2.4. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Công ty:

Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh để thực hiện mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

3.1. Mục tiêu:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các cổ

đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, cộng đồng và phát triển doanh nghiệp.

3.2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
3	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị – máy móc công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3320
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng đường bộ (trừ hóa lỏng khí dễ vận chuyển)	4933
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	8299
6	Xây dựng nhà để ở	4101
7	Xây dựng nhà không để ở	4102
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
13	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395 (Chính)

14	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
15	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông.	4212
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp	4299
17	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
18	Cho thuê xe có động cơ	7710
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
21	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4672
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
23	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)	4671
24	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ngoài các ngành nghề kinh doanh nêu trên, Công ty được quyền kinh doanh tất cả các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và chỉ kinh doanh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Công ty chỉ kinh doanh các ngành nghề khác ngoài các ngành nghề nêu trên khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội gần nhất, Công ty có trách nhiệm thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh.

Điều 4. Chủ sở hữu và Người đại diện theo pháp luật của Công ty

4.1. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty.

4.2. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4.3 Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 38, các điều khoản khác của Điều lệ này; Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

Điều 5. Tư cách pháp lý của Công ty

5.1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông là Công ty cổ phần được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, có con dấu riêng và có tư cách pháp nhân theo pháp luật.

5.2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 6. Phạm vi trách nhiệm của Công ty

6.1. Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bằng toàn bộ tài sản của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

6.2. Mỗi Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 7. Thời hạn hoạt động, chấm dứt Công ty

7.1. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo Khoản 7.2 Điều này.

7.2. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Giải thể theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Các trường khác do pháp luật quy định.

d. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 8. Vốn Điều lệ, cổ phần

8.1. Vốn điều lệ của Công ty là **290.000.000.000 VNĐ** (Hai trăm chín mươi tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 29.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

8.2. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Tăng, giảm vốn điều lệ

9.1. Công ty có thể quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9.2. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 19, Điều 20 Điều lệ này.

9.3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

9.4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

9.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Công ty phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu là 15 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua.

9.6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

9.7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Cổ phiếu

10.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

10.2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

10.3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

10.4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, cổ đông có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 11. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

11.1. Các Cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

11.2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, số cổ phần các cổ đông sáng lập đăng ký mua;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần đăng ký mua, số cổ phần và trị giá cổ phần đã thanh toán, loại tài sản góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập;

d. Tổng số cổ phần và giá trị cổ phần đã thanh toán của các cổ đông sáng lập;

đ. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thiệt hại đối với Công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.

11.3. Trường hợp có Cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của Cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau:

a. Các Cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty;

b. Một hoặc một số Cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó;

c. Huy động người khác không phải là Cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; Người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành Cổ đông sáng lập của Công ty. Trong trường hợp này, Cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là Cổ đông của Công ty.

Khi số cổ phần đăng ký góp của các Cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các Cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

11.4. Trường hợp các Cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

11.5. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho Cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là Cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành Cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Điều 12. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

12.1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 11.5 Điều 11 Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách

thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

12.2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong số sách của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;

b. Cổ phần bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;

12.3. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;

b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại Công ty; Tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần Cổ đông được quyền mua; Giá chào bán cổ phần; Thời hạn đăng ký mua; Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định chào bán không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho Cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

12.4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Công ty.

12.5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về Cổ đông quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 của Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Công ty.

12.6. Công ty phải đăng ký thay đổi Cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được yêu cầu và các hồ sơ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán mua cổ phần của cổ đông.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

13.1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại.

Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

13.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Khoản 13.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc do Công ty quy định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

14.1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán.

14.2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

14.3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 14.4 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

14.4. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua.

Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

14.5. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

15.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

15.2. Toàn bộ cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

15.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu.

15.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 16. Thu hồi cổ phần

16.1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn cho việc mua cổ phần của mình, Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán đầy đủ tiền mua, cùng với lãi tích lũy và các chi phí phát sinh từ việc thanh toán không đúng hạn cho Công ty.

16.2. Thông báo yêu cầu thanh toán nêu tại Khoản 15.1 Điều này sẽ đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán, và sẽ nêu rõ rằng trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện theo yêu cầu, bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đủ sẽ bị thu hồi.

16.3. Nếu bất kỳ yêu cầu nào trong thông báo không được thực hiện, Hội đồng quản trị có thể thu hồi tất cả cổ phần được đề cập trong thông báo vào bất kỳ thời điểm nào trước khi việc thanh toán đầy đủ tiền mua, lãi và các chi phí liên quan được thực hiện. Việc thu hồi cổ phần cũng bao gồm bất kỳ những cổ tức được thông báo sẽ trả cho các cổ phần bị thu hồi chưa được thanh toán vào thời điểm thu hồi.

16.4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc từ bỏ sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách thức khác đối với người sở hữu cổ phần trước khi cổ phần bị thu hồi hoặc từ bỏ hoặc bất kỳ ai khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp. Nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác bàn giao cổ phần cho bất kỳ người nào khác.

16.5. Một Cổ đông sở hữu những cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông của mình đối với các cổ phần đó, nhưng vẫn chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các chi phí liên quan đến những cổ phần không được thanh toán vào thời điểm thu hồi hoặc từ bỏ đó, cộng với lãi suất theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán.

16.6. Khi một cổ phần bị thu hồi, một thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần đó trước ngày thu hồi; nhưng việc thu hồi sẽ không bị vô hiệu trong bất kỳ trường hợp nào vì các lý do bỏ qua hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 17. Phát hành trái phiếu

17.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ này.

17.2. Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng trái phiếu theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

18.1. Ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ lập Sổ đăng ký cổ đông và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới hai hình thức bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

18.2. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;

d. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

18.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong Sổ đăng ký cổ đông.

18.4. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

Điều 19. Quyền của cổ đông phổ thông

19.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 11.5 Điều 11 của Điều lệ này;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

19.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 19.3 Điều này;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

19.3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

19.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a. Các Cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

20.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty

20.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

20.3. Tuân thủ Điều lệ này và các quy định của Công ty.

20.4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

20.5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

20.6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

20.7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

CHƯƠNG IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 21. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;

b. Hội đồng Quản trị;

c. Ban Kiểm soát;

d. Tổng Giám đốc.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

22.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

22.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

d. Quyết định đầu tư thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc hợp đồng khác có giá trị trên 50% trên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

f. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này;

i. Quyết định mua lại trên 10% trong tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;

l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Bản kiểm soát;

m. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;

l. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 23. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

23.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

23.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

23.3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty

b. Báo cáo tài chính hằng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

23.4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

23.5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b Khoản 23.4 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c hoặc điểm d Khoản 23.4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

23.6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 23.5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

23.7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 23.6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

23.8. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

23.9. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại Khoản 23.5, 23.6 và 23.7 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm các khoản chi tiêu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24. Chuẩn bị họp đại hội đồng cổ đông

24.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ đông.

c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

24.2. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.

b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b Khoản này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b Khoản này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

d. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

e. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

g. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b Khoản 24.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 24.2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

24.3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

Điều 25. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

25.1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

25.2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của phát luật về dân sự (tham khảo mẫu của Công ty) và phải có chữ ký theo quy định sau:

a. Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

25.3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 25.4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

25.4. Quy định tại Khoản 25.2 Điều này sẽ không được áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 25.3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

25.5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 26. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

26.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết .

26.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 26.1 Điều này trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

26.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 26.2 Điều này trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

26.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 24.3 Điều 24 của Điều lệ này.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông

27.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

27.2. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

c. Chủ toạ cử một người hoặc một số người nhưng không quá 03 người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.

27.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

27.4. Chủ toạ và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong m uốn của đa số người dự họp.

27.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

27.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp nào đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

27.7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

27.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người dự họp;

b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

27.9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 27.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 28. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

28.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

28.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc hợp đồng khác có giá trị trên 50% trên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

28.3. Điều kiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận: Về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty; Quyết định đầu tư thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc hợp đồng khác có giá trị trên 50% trên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

28.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

28.5. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là

hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

28.6. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

28.7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

29.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

29.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Cổ đông.

29.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

29.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

29.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các Nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

29.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

29.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

29.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông

30.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể bằng cả tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ toạ và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

30.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

30.3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều 19 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

31.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 28.5 Điều 28 Điều lệ này.

31.2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 32. Hội đồng quản trị

32.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

32.2. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

c. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

d. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quản trị Công ty (nếu có). Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.

32.3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 14.2 Điều 14 của Điều lệ này;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Quyết định đầu tư thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc hợp đồng khác có giá trị từ 50% trở xuống trên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 42.1 và Khoản 42.3 Điều 42 của Điều lệ này;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Quyết định mức lương và các lợi ích khác của những người quản lý đó;

k. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

32.4 Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết.

32.5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được

miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 33. Cuộc họp hội đồng quản trị

33.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

33.2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

33.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

33.4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 33.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

33.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

33.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

33.7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

33.8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

33.9. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh; Mục đích, chương trình và nội dung họp; Thời gian, địa điểm họp; Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do của việc không dự họp; Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Các quyết định đã được thông qua; Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

   Chủ toạ, thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

b. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 34. Chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị

34.1. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

34.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

34.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

34.4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(ii) Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

b. Đối với Công ty con là Công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

34.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

(i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 34.4 Điều này;

(ii) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(iii) Có đơn xin từ chức;

(iv) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

b. Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 35. Tổng Giám đốc

35.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

35.2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được tái bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

35.3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

b. Đối với Công ty con của Công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a Khoản này, Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

35.4. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f. Chủ trì chỉ đạo công tác tuyển dụng lao động;

g. Chủ tịch Hội đồng tiền lương, Thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Công ty;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

35.5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 36. Ban Kiểm soát

36.1. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

36.2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu 01 người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

36.3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

36.4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(ii) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

(iii) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người quản lý trong Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

36.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

(i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 36.4 Điều này;

(ii) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(iii) Có đơn xin từ chức;

(iv) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

b. Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

36.6. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ này.

e. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 38 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

36.7. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c Khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 37. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

37.1. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

37.2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát:

a. Tài liệu và thông tin gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

(i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;

(ii) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 38. Nghĩa vụ của Người quản lý Công ty

38.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, Pháp luật có liên quan, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

38.2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

38.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 38.1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

CHƯƠNG V

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CHO NGƯỜI QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 39. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

39.1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

39.2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

d. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác (Ban Điều hành) sẽ được thưởng thêm một khoản tiền tương đương với % phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch theo từng năm do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

39.3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc, người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về

thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát

40.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

40.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

40.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 41. Công khai lợi ích liên quan

41.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

41.2. Việc kê khai quy định tại Khoản 41.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

41.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 41.1 và Khoản 41.2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

41.4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 42. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

42.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 41.1 Điều 41 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

42.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 50% trở xuống trên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

42.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 42.2 Điều này.

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.

42.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 42.3 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

42.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định định của Tòa án và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 42.2 và Khoản 42.3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

42.6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI
TÀI CHÍNH VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43. Trả cổ tức

43.1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

43.2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này; Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Cổ đông.

43.3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

43.4. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

43.5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 44. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 15.1 Điều 15 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 43 của Điều lệ này thì các Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

45.1. Công ty có thể mở một hoặc một số tài khoản ngân hàng tại một hoặc nhiều ngân hàng được cấp phép hoạt động trong và ngoài lãnh thổ của Việt Nam.

45.2. Công ty có thể thực hiện thanh toán bằng tài khoản đồng Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ tại Ngân hàng mà Công ty có tài khoản.

Điều 46. Thành lập quỹ

46.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hàng năm sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận còn lại như sau:

a. Quỹ đầu tư phát triển;

b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

46.2. Tỷ lệ trích lập các quỹ trên có thể được thay đổi tuỳ thuộc vào lợi nhuận còn lại hàng năm theo đề nghị của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

46.3. Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông:

a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo;

b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 47. Năm tài chính

47.1. Năm tài chính bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm dương lịch.

47.2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch đó và năm tài chính cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày giải thể Công ty.

Điều 48. Hệ thống kế toán

48.1. Hệ thống kế toán và báo cáo của Công ty được thiết lập phù hợp với các nguyên lý, chuẩn mực và thông lệ kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác do Bộ Tài chính chấp thuận.

48.2. Sổ sách kế toán của Công ty được lập bằng tiếng Việt.

48.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ chính thức trong hệ thống kế toán.

Điều 49. Báo cáo hằng năm

49.1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính, báo cáo hợp nhất năm;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

49.2. Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo hợp nhất hằng năm theo quy định của Pháp luật.

49.3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 49.1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

49.4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

49.5. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 50. Lao động

50.1. Việc tuyển dụng và sử dụng lao động phải tuân theo pháp luật về lao động. Người lao động Việt Nam được ưu tiên khi tuyển chọn nếu đáp ứng các yêu cầu công việc. Trường hợp cần thiết, Công ty có thể tuyển dụng người lao động nước ngoài vào các vị trí phù hợp của Công ty theo quy định của pháp luật.

50.2. Người lao động được tuyển dụng vào Công ty được ký kết hợp đồng lao động theo các quy định của pháp luật về lao động và các quy định khác liên quan.

50.3. Các chính sách chung liên quan đến lương của người lao động trong Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc xét theo năng lực và khả năng của từng người lao động và phải tuân thủ quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII
CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 51. Công ty con, Công ty liên kết

51.1. Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết.

51.2. Công ty có thể thành lập các Công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 52. Mối quan hệ giữa Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết

52.1. Với Công ty con do Công ty sở hữu 100% (một trăm phần trăm) vốn Điều lệ:

Công ty là chủ sở hữu của các Công ty con do Công ty sở hữu 100% (một trăm phần trăm) vốn Điều lệ. Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty con này.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con do Công ty sở hữu 100% (một trăm phần trăm) vốn Điều lệ được quy định tại Điều lệ của Công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đối với Công ty con:

a. Quyết định ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 05 (năm) năm, hàng năm của Công ty con.

b. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty con, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty con theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty con.

c. Quyết định điều chỉnh vốn Điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn Điều lệ Công ty con cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn Điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ Công ty con đó.

d. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của các chức danh

quản lý của Công ty con.

e. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng theo phân cấp tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

f. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty con theo quy định của pháp luật.

g. Quyết định thành lập Công ty con, góp vốn vào Công ty khác.

h. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty con.

i. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty con.

j. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty con sau khi Công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

52.2. Với Công ty con, Công ty liên kết khác:

Công ty con, Công ty liên kết là Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại Công ty đó.

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các Công ty này. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo

thẩm quyền đối với vốn Công ty đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết này, bao gồm nhưng không giới hạn việc:

a. Bổ nhiệm, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện sở hữu phần vốn của Công ty.

b. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty con, Công ty liên kết; yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty.

c. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các Công ty con, Công ty liên kết; giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các Công ty con.

d. Yêu cầu Công ty con, Công ty liên kết cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty.

52.3. Mối quan hệ giữa Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

52.4. Hội đồng Quản trị chỉ định một hay nhiều Người đại diện Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% (một trăm phần trăm) vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Công ty đầu tư tại các Công ty con, Công ty liên kết là Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các Công ty con,

Công ty liên kết, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Việc chỉ định Người đại diện phần vốn góp của Công ty phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những Người đại diện vốn góp của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết do Hội đồng Quản trị quyết định, phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các Công ty con, Công ty liên kết, quy chế hoạt động của Người đại diện vốn của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

53.1. Tranh chấp nội bộ là tranh chấp có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, việc quản lý Công ty, quyền, nghĩa vụ và lợi ích của Cổ đông, phát sinh giữa:

a. Công ty với Cổ đông;

b. Các Cổ đông với nhau;

c. Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Cán bộ quản lý khác.

53.2. Khi phát sinh tranh chấp nội bộ nêu tại Khoản 53.1 Điều này, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người trung gian hòa giải. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là người trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

53.3. Nếu không có thỏa thuận nào đạt được giữa hai bên tranh chấp trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.

53.4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải, trừ trường hợp có phán quyết khác của người trung gian hòa giải hoặc của Tòa án có thẩm quyền.

CHƯƠNG IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

54.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

54.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

54.3. Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ, tên và chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 55. Hiệu lực của Điều lệ

55.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2026.

55.2. Điều lệ này có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

55.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

55.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 0314301907
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 1 MÊ KÔNG
S1 - MEKONG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Sơn